

Số: 163/TT-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2025

TỜ TRÌNH

Dự án Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; Nghị quyết số 55/2024/UBTVQH15 ngày 28/10/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; Nghị quyết số 118/NQ-CP ngày 03/8/2024 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2024; Quyết định số 1372/QĐ-TTg ngày 13/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, Chính phủ kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội hồ sơ Dự án Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (KH,CN&ĐMST) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

Trong thời gian gần đây, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, trong đó đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp tập trung vào đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước; đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST; nâng cao tính minh bạch, đạo đức và liêm chính trong hoạt động KH&CN; thu hút đầu tư từ xã hội để phát triển KH,CN&ĐMST; nâng cao hiệu quả, tính tự chủ cho các tổ chức sự nghiệp công lập trong lĩnh vực KH&CN; phát triển đội ngũ trí thức cần được thể chế hóa đầy đủ vào nội dung Luật KH,CN&ĐMST, cụ thể như sau:

a) Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nhiều nội dung quan trọng mang tính định hướng phát triển đất nước dựa trên KH,CN&ĐMST.

- Về quan điểm chỉ đạo: "Có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững".

- Về nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII: “*Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững*”.

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội: “*Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới.*”

c) Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với nhiều nhiệm vụ, giải pháp có tính cách mạng để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cụ thể:

(1) Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KH,CN,ĐMST&CĐS);

(2) Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho KH,CN,ĐMST&CĐS quốc gia;

(3) Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KH,CN,ĐMST&CĐS quốc gia;

(4) Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng KH,CN&ĐMST trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh;

(5) Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động KH,CN,ĐMST&CĐS trong doanh nghiệp;

(6) Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển KH,CN,ĐMST&CĐS.

Các nhiệm vụ, giải pháp mang tính đột phá tại Nghị quyết số 57-NQ/TW cần phải được thể chế hóa kịp thời trong nội dung Luật KH,CN&ĐMST.

1.2. Cơ sở pháp lý

a) Hiến pháp 2013 tại Điều 62 quy định:

“1. Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

3. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.”

b) Sau khi Luật KH&CN 2013 được ban hành, đã có nhiều đạo luật chuyên ngành lần lượt ra đời và điều chỉnh các giai đoạn khác nhau trong chu trình nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trong đó, nhiều quy định chưa phù hợp với thực tiễn của hoạt động KH,CN&ĐMST, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy KH,CN&ĐMST với tính chất là khâu đột phá phát triển đất nước trong giai đoạn phát triển mới.

c) Nghị quyết số 100/2013/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ: *“Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch.”*

d) Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển KH,CN,ĐMST và chuyển đổi số quốc gia đã quy định thi điểm một số cơ chế, chính sách tháo gỡ chi tiêu tài chính từ ngân sách nhà nước, hoạt động của tổ chức và nhân lực trong tổ chức KH&CN công lập, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và hoạt động KH&CN trong doanh nghiệp, công nghệ chiến lược; cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, đấu thầu, tài chính và thử nghiệm có kiểm soát cho chuyển đổi số quốc gia, phát triển hạ tầng số, công nghiệp công nghệ số chiến lược để tháo gỡ vướng mắc tạo cơ chế, chính sách vượt trội trong hoạt động KH,CN,ĐMST và chuyển đổi số quốc gia. Các chính sách nêu trên nhằm giải quyết những vướng mắc đã rõ, có thể thi hành được ngay. Tuy nhiên, còn nhiều nội dung cần tiếp tục nghiên cứu, thể chế đầy đủ và có hệ thống trong Luật KH,CN&ĐMST.

1.3. Quán triệt chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ về đổi mới mạnh mẽ công tác lập pháp, trong đó chuyển đổi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển, tư duy quản lý không cứng nhắc, dứt khoát từ bỏ tư duy không quản được thì cấm. Các quy định của pháp luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài. Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc, không cần quá dài. Những vấn đề thực tiễn biến động thường xuyên thì giao cho Chính phủ, địa phương quy định để đảm bảo linh hoạt trong điều hành. Tuyệt đối không hành chính hóa hoạt động của Quốc hội, luật hóa các quy định của nghị định và thông tư.

Để thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, định hướng của Quốc hội và chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch Nước và Thủ tướng Chính phủ về hoàn thiện thể chế, việc đề xuất xây dựng Luật KH,CN&ĐMST là rất cần thiết.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong hơn 10 năm qua, Luật KH&CN 2013 đã phát huy vai trò quan trọng trong việc tạo hành lang pháp lý cơ bản và quan trọng cho việc tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động KH&CN. Trên cơ sở đó, KH&CN đã có những bước tiến tích cực, đóng góp thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội và được minh chứng qua nhiều kết quả nổi bật: theo Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index 2024 - GI) năm 2024 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO), Việt Nam được xếp hạng 44/133 quốc gia, nền kinh tế, tăng 2 bậc so với năm 2023 (năm 2022, Việt Nam đứng thứ 48). Năm 2024, Việt Nam có 03 chỉ số đứng đầu thế giới là chỉ số Nhập khẩu công nghệ cao, Xuất khẩu công nghệ cao và Xuất khẩu hàng hóa sáng tạo (tính trên tổng giao dịch thương mại).

Tuy nhiên, quá trình triển khai thi hành Luật KH&CN 2013 cho thấy pháp luật hiện hành còn có những nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn để phát triển khoa học, công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể là:

Thứ nhất, các quy định của pháp luật về KH,CN&ĐMST chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn, chưa đồng bộ và được xác định là một trong những rào cản để thực hiện mục tiêu đưa KH,CN&ĐMST thành động lực chính phát triển kinh tế - xã hội; pháp luật về KH,CN&ĐMST cũng chưa quy định được đầy đủ cơ chế để thực sự thu hút, đào tạo, phát triển được nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ chế thu hút, đãi ngộ nhân tài cho KH,CN&ĐMST.

Thứ hai, các làn sóng công nghệ mới phát triển nhanh chóng, mãnh liệt, đặc biệt là làn sóng của Cách mạng công nghệ 4.0 mà trong đó chuyển đổi số là cốt lõi đòi hỏi các quy định của pháp luật KH,CN&ĐMST phải được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn.

Thứ ba, khi xây dựng Luật KH&CN 2013, các chủ thể tham gia hoạt động KH&CN chủ yếu đến từ khu vực viện nghiên cứu, trường đại học công lập. Hoạt động ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, thương mại hóa sản phẩm KH&CN, nhất là trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh tuy đã được quan tâm nhưng chưa trở thành xu thế phổ biến. Trong bối cảnh hiện nay, đề KH,CN&ĐMST thực sự tác động đến tăng trưởng kinh tế thì việc xác định doanh nghiệp là chủ thể quan trọng nhất trong hoạt động ứng dụng, chuyển giao, đổi mới, sáng tạo công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo là vấn đề căn bản nhất cần được thể chế hóa trong Luật để xoay trục các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

Căn cứ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn cũng như nguyên nhân của các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi Luật KH&CN 2013, Bộ Khoa học và Công nghệ nhận thấy cần nghiên cứu và sửa đổi toàn diện Luật KH&CN.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành Luật KH,CN&ĐMST

Tạo hành lang pháp lý để KH,CN&ĐMST đóng góp vào nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và sự phát triển của nhân loại.

2. Quan điểm xây dựng Luật KH,CN&ĐMST

2.1. Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về KH,CN&ĐMST để phát triển KH,CN, ĐMST&CDS quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2.2. Kế thừa các quy định của Luật KH&CN 2013 còn phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, phù hợp với thực tiễn phát triển KH&CN của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

2.3. Mở rộng phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Luật sang khu vực ngoài công lập để thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, trong đó doanh nghiệp làm trung tâm, các đại học và viện nghiên cứu là các chủ thể hỗ trợ cùng hướng tới mục tiêu hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ trực tiếp phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng.

2.4. Chính thức hóa những cơ chế tháo gỡ điểm nghẽn trong Nghị quyết số 193/2025/QH15 để đưa thành quy định ổn định, lâu dài trong luật.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật quy định về tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; biện pháp bảo đảm phát triển khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT

1. Bộ Khoa học và Công nghệ đã thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập dự án Luật KH,CN&ĐMST với sự tham gia của các bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội, viện nghiên cứu, đại học tại Quyết định số 3098/QĐ-BKHHCN ngày 27/11/2024. Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức họp Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập vào ngày 25/12/2025.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn chủ trì cuộc họp Ban Chỉ đạo xây dựng dự án Luật KH&CN (sửa đổi) lần thứ hai vào ngày 13/01/2025 để cho ý kiến về hồ sơ dự án Luật.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số 5111/BKHHCN-PC ngày 19/12/2024 đến các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp đề nghị góp ý dự án Luật.

Hồ sơ dự án Luật đã được gửi đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Khoa học và Công nghệ từ ngày 29/11/2024 đến 29/01/2025. Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức hơn 30 cuộc họp, hội thảo với các bộ, ngành, trường đại học, 02 Viện Hàn lâm, hiệp hội, liên hiệp hội, doanh nghiệp, tập đoàn lớn,... để xin ý kiến về Dự án Luật. Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận văn bản góp ý của 99 cơ quan, gồm: 22 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 09 tập đoàn và các hội; 46 ý kiến của UBND tỉnh, phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, có 12 ý kiến hoàn toàn nhất trí với hồ sơ dự án Luật. Đồng thời, cũng có nhiều ý kiến góp ý rất cụ thể đã được Bộ Khoa học và Công nghệ nghiêm túc tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật KH,CN&ĐMST.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số 28/BKHHCN-PC ngày 07/3/2025 đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự án Luật.

Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 80/BCTĐ-BTP ngày 15/3/2025. Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để hoàn thiện hồ sơ dự án Luật KH,CN&ĐMST.

5. Thường trực Chính phủ đã họp và cho ý kiến đối với dự án Luật ngày 12/3/2025. Chính phủ đã cho ý kiến đối với dự án Luật ngày 19/3/2025. Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiêm túc tiếp thu kết luận của Thường trực Chính phủ tại Thông báo số 09/TB-VPCP ngày 17/3/2025 và ý kiến tại Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật của Chính phủ tháng 3/2025 để hoàn thiện hồ sơ dự án Luật trình Chính phủ.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật KH,CN&ĐMST gồm 8 chương và 95 điều (tăng 14 điều so với Luật KH&CN năm 2013 do bổ sung nội dung đổi mới sáng tạo (ĐMST) và cấu trúc lại Luật nên về hình thức có nhiều thay đổi so với luật hiện hành. Dự thảo Luật có sửa đổi lớn đối với 26 điều, bổ sung 23 điều, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung, gồm 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10).

Chương II. Quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm 17 điều (từ Điều 11 đến Điều 27)

Chương III. Phát triển khoa học và công nghệ, gồm 06 điều (từ Điều 28 đến Điều 33).

Chương IV. Phát triển đổi mới sáng tạo, gồm 07 điều (từ Điều 34 đến Điều 40).

Chương V. Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng, gồm 33 điều (từ Điều 41 đến Điều 73).

Chương VI. Hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm 3 điều (từ Điều 74 đến Điều 76).

Chương VII. Trách nhiệm quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST, gồm 02 điều (Điều 77, 78).

Chương VIII. Điều khoản thi hành, gồm 17 điều (Điều 79 đến Điều 95).

2. Nội dung cơ bản của Luật

Dự thảo Luật KH,CN&ĐMST đã bám sát các nội dung chính sách tại Nghị quyết 118/NQ-CP ngày 03/8/2024 của Chính phủ về phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 7 năm 2024 (và đã báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội), cụ thể: Chính sách 1: Đổi mới hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo, quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST; Chính sách 2: Phát triển tiềm lực KH&CN; Chính sách 3: Thu hút đầu tư, tạo thuận lợi sử dụng ngân sách cho KH,CN&ĐMST; Chính sách 4: Thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp và phát triển thị trường KH&CN; Chính sách 5: Tăng cường phổ biến tri thức KH&CN. Đồng thời, để kịp thời thể chế hóa các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Luật KH,CN&ĐMST đã bổ sung Chính sách 6 liên quan đến hành lang pháp lý cho hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.

Dự thảo Luật được thiết kế theo nguyên tắc giảm thủ tục hành chính, tăng cường hậu kiểm, chuyển đổi số toàn diện trong công tác quản lý và hoạt động KH,CN&ĐMST. Thay đổi tư duy quản lý theo hướng quản lý hiệu quả, không quản lý quá trình. Thu hút nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước (NSNN) cho KH&CN thông qua việc khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, tài trợ kinh phí cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. Kế thừa tối đa những nội dung của Luật KH&CN 2013 đã được triển khai có hiệu quả trong thời gian qua và phù hợp với yêu cầu phát triển KH&CN hiện nay.

2.1. Những nội dung chính, quan trọng được kế thừa từ Luật KH&CN 2013

Dự thảo Luật KH,CN&ĐMST được xây dựng trên cơ sở tiếp tục kế thừa nhiều nội dung quan trọng của Luật KH&CN 2013 đã được triển khai có hiệu quả, được thực tiễn kiểm nghiệm và còn phù hợp với yêu cầu phát triển KH&CN. Luật KH,CN&ĐMST tiếp tục khẳng định KH,CN&ĐMST giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế; phát triển đồng bộ các lĩnh vực KH&CN gắn với phát triển văn hoá và nâng cao dân trí; tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực KH&CN của đất nước bên cạnh việc nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu KH&CN hiện đại trên thế giới; hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng KH&CN.

Trong đó, việc đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động trong thời gian qua đã là khâu đột phá để thúc đẩy phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN. Bên cạnh đó, phát huy vai trò, hiệu quả của các tổ chức KH&CN trong việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trọng điểm; cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước và cơ chế xây dựng, triển khai các nhiệm vụ KH&CN theo hướng lấy mục tiêu và hiệu quả ứng dụng là tiêu chuẩn hàng đầu; các đơn vị sự nghiệp KH&CN thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Áp dụng phương thức khoán chi trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN; phát triển các doanh nghiệp KH&CN, các quỹ trong lĩnh vực KH&CN; xây dựng đồng bộ chính sách đào tạo, thu hút, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân lực, nhân tài KH&CN; thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì sự phát triển của đất nước. Cụ thể là:

Về tổ chức KH&CN, Luật KH,CN&ĐMST tiếp tục giữ quy định về quyền, nhiệm vụ của các tổ chức KH&CN; thẩm quyền thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể các tổ chức KH&CN; giao Chính phủ quy hoạch hệ thống các tổ chức KH&CN công lập để bảo đảm phát triển đồng bộ các lĩnh vực KH&CN, thực hiện có hiệu quả các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Về cá nhân hoạt động KH&CN và phát triển nguồn nhân lực KH&CN,

vẫn tiếp tục quy định chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ; quyền và nghĩa vụ của cá nhân hoạt động KH&CN; đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học; ưu đãi trong việc sử dụng nhân lực, nhân tài KH&CN; thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam.

Về xác định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN, dự thảo Luật tiếp tục quy định về phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN, liên kết xác định và thực hiện nhiệm vụ KH&CN; trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đối với nhiệm vụ đặt hàng.

Về ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, phổ biến kiến thức KH&CN, các nội dung tiếp tục được quy định bao gồm: trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của bên đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước; khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng KH&CN trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo; truyền thông và phổ biến kiến thức KH&CN.

Về đầu tư, tài chính phục vụ phát triển KH&CN, dự thảo Luật tiếp tục quy định các nội dung chi NSNN cho KH&CN; xây dựng dự toán và quản lý việc sử dụng NSNN dành cho KH&CN; áp dụng khoán chi đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, cơ chế cấp, sử dụng, quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN; áp dụng cơ chế đầu tư đặc biệt thực hiện nhiệm vụ KH&CN đặc biệt; huy động nguồn vốn ngoài NSNN đầu tư cho KH&CN; đầu tư của doanh nghiệp cho KH&CN; khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phát triển doanh nghiệp KH&CN; chính sách của Nhà nước về các quỹ phát triển KH, CN quốc gia và Quỹ đổi mới sáng tạo quốc gia, bộ, ngành, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thành lập các quỹ để huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động KH, CN & ĐMST; chính sách thuế, chính sách tín dụng đối với hoạt động KH, CN & ĐMST.

Về ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự thảo Luật quy định trách nhiệm tổ chức triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các biện pháp bảo đảm phát triển KH&CN phù hợp với vai trò động lực của phát triển công nghệ cao và phát triển thị trường công nghệ đối với sự phát triển KH&CN. Nhà nước có chính sách khuyến khích thành lập, hỗ trợ các tổ chức để đưa nhanh các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống; thúc đẩy hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; có chính sách khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ được tạo ra trong nước,

công nghệ cao.

Về các biện pháp bảo đảm phát triển KH&CN, dự thảo Luật tiếp tục quy định về đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân lực; tài chính và tín dụng cho hoạt động KH&CN; cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển KH&CN; giải thưởng về KH, CN & ĐMST; truyền thông về KH&CN.

Về hội nhập quốc tế, dự thảo Luật kế thừa các quy định nguyên tắc hội nhập quốc tế; các hoạt động hội nhập quốc tế; các biện pháp thúc đẩy hội nhập quốc tế về KH, CN & ĐMST phù hợp với yêu cầu của quá trình phát triển hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay và những năm tới.

Ngoài những nội dung nêu trên, nhiều điều của Luật KH&CN 2013 được chỉnh sửa về câu chữ, kỹ thuật cho thống nhất và phù hợp với những nội dung mới được bổ sung.

2.2. Nội dung lược bỏ

Dự thảo Luật KH, CN & ĐMST bỏ quy định về đăng ký hoạt động KH&CN đối với các tổ chức (chỉ giữ lại quy định đăng ký tổ chức KH&CN để thành lập mới tổ chức KH&CN).

Lý do: Việc bỏ quy định này nhằm thúc đẩy hoạt động KH&CN, khẳng định mọi tổ chức đều có thể thực hiện hoạt động KH&CN. Đồng thời, cắt giảm thủ tục hành chính theo chủ trương chung của Đảng và Chính phủ (thay bằng quản lý trên môi trường số).

2.3. Nội dung sửa đổi

- Về quan điểm, định hướng để xây dựng, sửa đổi Luật KH, CN & ĐMST:

KH, CN & ĐMST được xác định là động lực thúc đẩy năng lực cạnh tranh quốc gia, góp phần phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), đảm bảo quốc phòng, an ninh (QPAN), nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và sự phát triển của nhân loại. Phát triển KH, CN & ĐMST hài hoà với môi trường, giá trị đạo đức xã hội và con người, đồng thời bảo đảm sự kết nối và cân bằng giữa khoa học tự nhiên và khoa học xã hội; tôn trọng tính tự chủ và sáng tạo của các nhà khoa học, nhà công nghệ.

Lý do: Để điều chỉnh hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam tập trung vào kết quả cuối cùng là đóng góp vào phát triển KT-XH, phục vụ con người.

- Về tăng cường nghiên cứu, chuyển dịch nghiên cứu cơ bản về các cơ sở giáo dục đại học (Điều 28): Dự thảo Luật đã có những điều chỉnh quan trọng nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động nghiên cứu cơ bản, cân đối giữa nghiên cứu khoa học tự nhiên và xã hội nhân văn, đặc biệt là chú trọng đến các yêu cầu

triển khai nghiên cứu cơ bản xuất phát từ vấn đề này sinh cần giải quyết từ nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ.

Lý do: Tất cả các quốc gia đều coi các cơ sở giáo dục đại học là trung tâm nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu cơ bản do đây là nơi tập trung nhiều nhất nhân lực nghiên cứu cơ bản (đội ngũ giáo viên, giáo sư, sinh viên, nghiên cứu sinh). Việc điều chỉnh nhu cầu nghiên cứu cơ bản xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ tạo sự gắn kết giữa các loại hình nghiên cứu và tăng tỉ trọng nghiên cứu có tác động vào thực tiễn.

- Về giao quyền tự chủ cho tổ chức nghiên cứu, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu và đánh giá hiệu quả cuối cùng của nghiên cứu (Điều 8, 14, 18, 19, 26, 39, 44 và Điều 67):

Cơ sở nghiên cứu được tự chủ, tự chịu trách nhiệm triển khai các hoạt động nghiên cứu, xây dựng bộ máy, chỉ tiêu theo cơ chế khoán chi. Nhà nước quản lý mục tiêu, quản lý đầu ra, quản lý kết quả và hiệu quả nghiên cứu, không quản lý cách làm. Sự thông thoáng này sẽ đẩy nhanh quá trình nghiên cứu. Thêm vào đó, nếu một dự án nghiên cứu không đạt được kết quả như kỳ vọng, tổ chức nghiên cứu sẽ không phải chịu trách nhiệm bồi thường như trước và được miễn trừ trách nhiệm dân sự đối với những thiệt hại phát sinh cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nghiên cứu.

Mặc dù, rủi ro được chấp nhận ở từng nhiệm vụ, từng dự án cụ thể nhưng hiệu quả hoạt động vẫn được đánh giá trên tổng thể của tổ chức đó và chương trình nghiên cứu. Những tổ chức hoạt động hiệu quả sẽ được ưu tiên cấp thêm kinh phí để tiếp tục phát triển. Ngược lại, những tổ chức hoạt động kém hiệu quả sẽ bị cắt giảm nguồn lực.

Lý do: Việc giao tự chủ cho tổ chức nghiên cứu, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu không có nghĩa là buông lỏng trách nhiệm, mà để tạo cơ chế linh hoạt hơn để khuyến khích đổi mới. Sự dám chấp nhận rủi ro sẽ tạo động lực cho các nhà khoa học theo đuổi những vấn đề thách thức, đưa khoa học tiến xa hơn và mang lại những đột phá quan trọng. Những nghiên cứu không đạt mục tiêu ban đầu mang lại bài học quý giá, giúp tránh lặp lại sai lầm trong tương lai hoặc mở ra những hướng đi mới tiềm năng. Thêm vào đó, cơ chế đánh giá hiệu quả gắn với giao kinh phí đảm bảo tài chính nghiên cứu được phân bổ một cách hợp lý và tạo động lực nâng cao chất lượng khoa học, công nghệ.

- Về sở hữu và thương mại hóa kết quả nghiên cứu (Điều 25, 26, 27, 30 và Điều 31): Dự thảo Luật đã xây dựng chính sách cho phép cơ sở nghiên cứu được sở hữu và có quyền tự quyết đối với kết quả nghiên cứu, với tài sản hình thành từ nghiên cứu. Người làm nghiên cứu cũng được hưởng tối thiểu 30% kết quả thương mại hoá, được phép tham gia thành lập và điều hành doanh nghiệp.

Lý do: Luật KH&CN 2013 quy định Nhà nước là chủ sở hữu của các kết quả nghiên cứu sử dụng NSNN. Việc giao các kết quả này cho tổ chức chủ trì để

thương mại hóa kết quả nghiên cứu gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc định giá kết quả nghiên cứu để hoàn trả kinh phí vào NSNN, trong khi kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN là sản phẩm sáng tạo, chưa có trên thị trường và trong nhiều trường hợp chưa trở thành sản phẩm, hàng hóa mà cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện. Đây cũng đang là điểm nghẽn lớn kéo dài trong thời gian qua. Việc tổ chức chủ trì được sở hữu kết quả nghiên cứu sẽ tạo sự chủ động trong việc thương mại hoá, ngay sau khi kết thúc nghiên cứu. Nhà nước sẽ thu lại kinh phí đầu tư gián tiếp thông qua thuế, tạo ra công ăn việc làm cho xã hội. Đây là cách mà nhiều quốc gia trên thế giới đã thực hiện. Việc giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cho tổ chức chủ trì về tổng thể sẽ tạo động lực cho các tổ chức nghiên cứu, tạo ra luồng sinh khí mới trong hoạt động KH&CN, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển KT-XH.

- Về tiềm lực con người, nhân lực nghiên cứu chất lượng cao, nhân tài (Điều 56, 57, 59 và Điều 83):

Dự thảo Luật bổ sung chính sách ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân, chính sách thương cho các nghiên cứu cơ bản, chính sách chia lợi nhuận từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu cho nhân lực trong nước; cơ chế thỏa thuận lương, ưu đãi, tạo thuận lợi về giấy phép lao động, cấp thị thực để thu hút chuyên gia nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN trọng điểm tại Việt Nam, giúp giải quyết các vấn đề mà chuyên gia trong nước chưa giải quyết được. Dự thảo Luật cũng đặc biệt bổ sung nguyên tắc, tiêu chí xác định nhân tài trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, qua đó quy định cơ chế thu hút, đãi ngộ nhân tài.

Lý do: Để thu hút, giữ chân người tài tham gia hoạt động KH,CN&ĐMST; thu hút nhân tài là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài về Việt Nam làm việc.

- Về cơ chế phân bổ, chi tiêu cho KH,CN&ĐMST (Điều 65, 66, 67, 68, 69 và Điều 70):

Điểm quan trọng nhất về tài chính cho KH,CN&ĐMST là thay đổi triết lý theo hướng phải đánh giá kết quả, hiệu quả cuối cùng của hoạt động KH,CN&ĐMST làm cơ sở để nhà nước phân bổ nguồn lực. Nhà nước sẽ đầu tư nguồn lực KH,CN&ĐMST cho chủ thể, hoạt động có tác động chính đến tăng trưởng, phát triển kinh tế-xã hội. Thực hiện cơ chế cấp kinh phí cho nhiệm vụ KH,CN&ĐMST thông thoáng hơn qua cơ chế quỹ gắn với hậu kiểm. NSNN hỗ trợ một phần cộng với các biện pháp khuyến khích, ưu đãi để thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư cho KH,CN&ĐMST đạt tỷ lệ trên 60% tổng đầu tư toàn xã hội.

Lý do: Hoàn thiện cơ chế tài chính phù hợp với yêu cầu phát triển KH,CN&ĐMST đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

- *Về tăng cường tiềm lực, xây dựng hạ tầng khoa học và công nghệ (Điều 11, 13, 2028, 29, 30, 31, 33, 38, 60, 61, 62, 63, 64 và Điều 79):* Chính phủ giao nhiệm vụ cho Bộ KH&CN điều phối kinh phí đầu tư công cho KH&CN để tăng cường tiềm lực nghiên cứu, xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm, đặc biệt tập trung cho công nghệ chiến lược. Đồng thời, có cơ chế cấp kinh phí duy trì thường xuyên, cũng như chia sẻ kinh phí sử dụng từ các cơ sở khác đối với các phòng thí nghiệm dùng chung. Nhà nước cũng chú trọng đầu tư vào cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, các công nghệ có tác động lớn đến ngành, lĩnh vực đóng góp vào tăng trưởng kinh tế.

Lý do: Tăng cường tiềm lực cho KH,CN&ĐMST, tạo cơ sở vật chất kỹ thuật cho các nghiên cứu công nghệ chiến lược. NSNN đầu tư cho KH,CN&ĐMST phải được sử dụng có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, đảm bảo phát triển tiềm lực KH,CN&ĐMST, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2.4. Nội dung mới

- *Về ĐMST (Chương V):* lần đầu tiên, ĐMST được đưa vào và đứng ngang với KHCN. Dự thảo Luật bổ sung các cơ chế hỗ trợ cho hoạt động ĐMST, đặc biệt là trong doanh nghiệp; thúc đẩy sự phát triển của các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm.

Lý do: Đổi mới sáng tạo quá trình tạo ra hoặc cải tiến sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh, quy trình quản lý dựa trên đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo nâng cao hiệu suất nhằm nâng cao giá trị gia tăng hiệu quả kinh tế, xã hội và chất lượng cuộc sống. Nhấn mạnh ĐMST là nhấn mạnh phần ứng dụng KH&CN vào cuộc sống.

- *Về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp (Điều 6, 19, 20, 31, 32, 33, 34, 35, 38, 39, 71, 72, 72, 82, 83 và Điều 84):* Dự thảo Luật có nhiều chính sách liên quan đến hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp được trích lập nhiều hơn cho Quỹ Phát triển KH,CN&ĐMST của mình, được chi cho các hoạt động đầu tư vào KH,CN&ĐMST (kể cả các dự án khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo). Các nội dung chi ngoài Quỹ của doanh nghiệp cho nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo được tính là 150% chi phí để trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và đặc biệt là được tính là 200% chi phí để trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp khi khoản chi đó trực tiếp phục vụ cho việc phát triển các công nghệ chiến lược.

Lý do: Doanh nghiệp là nơi đưa kết quả nghiên cứu khoa học đến với thị trường, tạo ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có giá trị gia tăng. Các chính sách tập trung vào mục tiêu khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho KH,CN&ĐMST,

kích thích các doanh nghiệp phát triển KH&CN, đạt mục tiêu 60-80% chi cho KH&CN là từ doanh nghiệp.

- *Về sửa đổi các luật liên quan (từ Điều 79 đến Điều 93):* Dự thảo Luật đề xuất sửa một số điều liên quan đến 14 luật để tạo thuận lợi cho hoạt động KH,CN&ĐMST, bao gồm: Luật Chuyên gia công nghệ, Luật Công nghệ cao, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Viên chức, Bộ luật Lao động, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam để bảo đảm các quy định của dự thảo Luật KH,CN&ĐMST được triển khai thuận lợi trong thực tiễn và tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

2.5. Nội dung phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính

a) Về phân cấp, phân quyền :

Phân cấp việc xây dựng, quản lý chương trình KH,CN&ĐMST quốc gia từ Bộ Khoa học và Công nghệ về các bộ, ngành; chuyển thẩm quyền từ Bộ KH&CN về các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (Điều 15). Bộ Khoa học và Công nghệ tập trung vào nghiên cứu cơ bản, công nghệ chiến lược và công nghệ lõi. Các bộ, ngành, địa phương tập trung vào nghiên cứu ứng dụng phù hợp với yêu cầu phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.

Lý do: Việc quy định phân cấp nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, giao quyền chủ động cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương trong xây dựng, triển khai để triển khai các nhiệm vụ hướng đến các mục tiêu chiến lược trong một khoảng thời gian nhất định, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn gắn với tính chủ động và tự chịu trách nhiệm, đồng thời rút ngắn thời gian phê duyệt các nhiệm vụ KH,CN&ĐMST.

b) Về cải cách thủ tục hành chính:

Tại Luật KH&CN năm 2013, quy định 11 thủ tục hành chính: (1) thành lập tổ chức KH&CN; (2) đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN (Điều 11); (3) sáp nhập, chia, tách tổ chức KH&CN; (4) giải thể tổ chức KH&CN (Điều 12); (5) thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức KH&CN nước ngoài; (6) tuyển chọn, xét tài trợ, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Điều 28, 29,30, 31 và Điều 60); (7) hỗ trợ nhiệm vụ KH&CN liên kết; (8) đánh giá thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Điều 37); (9) Thủ tục giao toàn bộ, giao một phần quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN; (10) Thủ tục thực

hiện khoán chi đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; (11) Thủ tục mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Tại dự thảo Luật KH,CN&ĐMST đã bỏ 09 thủ tục hành chính sau: (1) đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN; (2) sáp nhập, chia, tách tổ chức KH&CN; (3) giải thể tổ chức KH&CN; (4) thủ tục thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức KH&CN nước ngoài; (5) hỗ trợ nhiệm vụ KH&CN liên kết; (6) đánh giá thực hiện nhiệm vụ KH&CN; (7) giao toàn bộ, giao một phần quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng NSNN; (8) thực hiện khoán chi đối với nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; (9) mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Như vậy, so với Luật KH&CN năm 2013, dự thảo Luật đã cắt giảm 9/11 thủ tục, đạt 81%.

Do dự thảo Luật mở rộng phạm vi điều chỉnh sang lĩnh vực ĐMST nên đã bổ sung 04 thủ tục hành chính để quản lý các đối tượng mới và công nhận để tạo điều kiện cho các tổ chức được hưởng các ưu đãi của pháp luật về thuế và đầu tư (Điều 45, 47, 48, 57).

Hiện tại, dự thảo Luật quy định 06 thủ tục hành chính, cụ thể: (1) Thành lập tổ chức khoa học và công nghệ; (2) Đăng ký công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển; (3) Công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp (4) Công nhận tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; (5) Công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo; (6) Tuyển chọn, xét tài trợ, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

Kinh phí dự kiến bảo đảm cho việc thi hành Luật KH,CN&ĐMST sau khi được thông qua bao gồm: các khoản chi cho hoạt động KH,CN&ĐMST; ưu đãi cho nhân lực hoạt động KH,CN&ĐMST; chi cho hoạt động đánh giá chương trình KH&CN, nhiệm vụ KH&CN; chi cho hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST; chi cho các hoạt động ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo; kinh phí chi nghiên cứu viên sau tiến sĩ, nghiên cứu sinh, thạc sĩ nghiên cứu tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong kinh phí thực hiện đề tài; chi phí mua bản quyền xuất bản, phần mềm, thiết kế, bản quyền sáng chế để hỗ trợ cho tổ chức/cá nhân dùng chung; dự án ĐMST, hoạt động ĐMST; chi phí đầu tư các phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, phòng hỗ trợ thiết kế và thiết bị nghiên cứu dùng chung. Các nguồn kinh phí này nằm trong nguồn ngân sách hằng năm dành cho KH&CN và nguồn kinh phí huy động từ sự đóng góp, đầu tư từ xã hội cho KH,CN&ĐMST.

Đối với nguồn nhân lực, điều kiện bảo đảm thi hành luật sau khi được thông qua bảo đảm không làm tăng thêm đầu mỗi tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-

NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/2/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật KH,CN&ĐMST, Chính phủ kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật KH,CN&ĐMST; (2) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (3) Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (4) Bản tổng hợp, giải trình và tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan; (5) Bản chụp ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương; (6) Báo cáo Tổng kết thi hành Luật KH&CN năm 2013; (7) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (8) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật KH,CN&ĐMST; (9) Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật; (10) Bản đánh giá thủ tục hành chính; (11) Bản so sánh Luật KH,CN&ĐMST và Luật KH&CN năm 2013).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban KH&CNMT của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, KGVX (2).

31

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**



Nguyễn Mạnh Hùng